

Bản án: 58/2019/DSST

Ngày 12/9/2019

Về việc: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho
Quyền sử dụng đất vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh K: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh T

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện G, tỉnh K

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1989

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Quách Thị T**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh AG. (Bà T có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh K

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1952 (có yêu cầu giải quyết

vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh AG

3.2. Bà **Huỳnh Thị Kim T** (vợ ông Đ, vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh T trình bày:*

Nguyên trước đây vợ chồng ông Phạm Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Kim T có mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu của Hộ kinh doanh T với số tiền là 529.310.000 đồng. Hộ kinh doanh T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ trả tiền nhưng ông Đ vẫn không trả nên đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải trả số tiền trên cho Hộ kinh doanh T. Đến ngày 30/3/2016 TAND huyện H đưa vụ án ra xét xử tuyên buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 493.106.775 đồng. Sau đó ông Đ có đơn kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 139/2016/DSPT ngày 08/8/2016 của TAND tỉnh K tuyên buộc ông Đ, bà T phải trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 489.592.950 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, Hộ kinh doanh T đã làm đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã có Quyết định thi hành án số 61/QĐ-CCTHA ngày 05/10/2016, nhưng khi chấp hành viên xác minh tài sản thì phát hiện ông Phạm Thanh Đ đã có hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ của người phải thi hành án. Cụ thể: Ngày 10/8/2016 ông Đ đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H (là chị ruột ông Đ) đối với phần đất ông Đ đang đứng tên có diện tích là 20.565m², thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 89, 91, Giấy chứng nhận số AK 958753 do UBND huyện H cấp ngày 29/9/2008. Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện H, K. Đến ngày 25/8/2016 hoàn thành thủ tục đánh biến động trong Giấy chứng nhận QSD đất từ ông Đ sang cho bà H.

Việc xác lập giao dịch tặng cho trong trường hợp này là giả tạo nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Tại khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án Dân sự quy định: “Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó”.

Việc ông Đ thực hiện giao dịch tặng cho QSD đất cho bà H đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T vì quyền sử dụng

đất này là đối tượng bị kê biên để thi hành án đối với khoản nợ mà ông Đ, bà T đã nợ Hộ kinh doanh T.

Nay Hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ và bà H là vô hiệu; hủy biến động phần tặng cho QSD đất cho bà Phạm Thị H trong Giấy chứng nhận QSD đất số AK958753 cấp ngày 29/9/2008 đứng tên Phạm Thanh Đ để công nhận diện tích 20.565m² đất tại ấp M, xã M, huyện H, K, tờ bản đồ số 03, thửa số 89, 91, Giấy chứng nhận số AK 958753 do UBND huyện H cấp ngày 29/9/2008 thuộc quyền sở hữu của ông Đ và bà T.

** Ngày 09/5/2018 bà Quách Thị T có Đơn khởi kiện bổ sung nội dung như sau:*

Trong số diện tích hơn 20.000m² đất Phạm Thanh Đ đã làm thủ tục tặng cho Phạm Thị H để tâu tán tài sản thì bà Phạm Thị H đã đứng ra bán một phần đất của Phạm Thanh Đ cho ông Nguyễn Thành T, (địa chỉ: Ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang) diện tích 5.931,1m² đất, hiện nay ông T đã được tách thửa và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726539 tại thửa số 02, tờ bản đồ 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017. Phần đất còn lại, bà H được đứng tên hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726540 có diện tích 6.216,3m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726541 có diện tích 9.717,0m² tại thửa số 03, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017.

Nay bà T là người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh T có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết đưa ông Nguyễn Thành T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết hủy cả ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, cụ thể là các Giấy CNQSD đất sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726539 có diện tích 5.931,1m² tại thửa số 02, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017 đứng tên ông Nguyễn Thành T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726540 có diện tích 6.216,3m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017 đứng tên bà Phạm Thị H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726541 có diện tích 9.717,0m² tại thửa số 03, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017 đứng tên bà Phạm Thị H.

** Bị đơn ông Phạm Thanh Đ:* Ông Đ đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các lần công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn không có mặt nên không có lời khai của ông Đ tại Tòa án.

* *Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/8/2017 như sau:*

Phần đất này nguồn gốc là của cha mẹ bà chia cho ba chị em là Phạm Thanh Đ, Phạm thị H, Phạm Thị Hồng Gấm mỗi người một phần, còn lại của cha mẹ một phần là 6,2 công, phần của Đ là 6 công tầm nhỏ thì Đ đã bán cho cô Mai ở An Giang từ nhiều năm trước nhưng chưa tách giấy cho cô Mai vì Giấy chứng nhận QSD đất thế chấp trong Ngân hàng Sài Gòn – Thương Tín. Còn lại phần của bà và của bà Gấm thì vẫn nằm chung trong Giấy chứng nhận QSD đất nhưng đất chúng tôi vẫn làm từ khi cha tôi còn sống đến nay. Sau đó Đ thế chấp Giấy vay tiền của Ngân hàng Sài Gòn – Thương Tín nên bà H phải bỏ ra số tiền 220 triệu để trả Ngân hàng rút Giấy chứng nhận QSD đất ra để sang tên.

Vì đất này là của cha mẹ để lại cho bà nên Đ mới làm hợp đồng tặng cho để sang tên lại cho bà.

Nay bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T vì đây là đất của bà do cha mẹ cho chứ không phải là đất của Đ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T có Đơn yêu cầu độc lập ngày 13/5/2019 với nội dung:* Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H là hợp pháp, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726539 có diện tích 5.931,1m² tại thửa số 02, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Tại phiên tòa, bà Quách Thị T – người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án nhân dân huyện H trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ và bà H là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Thanh Đ, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Phạm Thị H đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Thành T có yêu cầu giải quyết vắng mặt (BL 92). Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ, bà T, bà H và ông T.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau: Vào năm 2015, vợ chồng ông Phạm Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Kim T có mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu của Hộ kinh doanh T với số tiền là 529.310.000 đồng. Do ông Đ, bà T không thực hiện thanh toán nợ nên Hộ kinh doanh T khởi kiện. Ngày 30/3/2016 TAND huyện H giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 21/2016/DSST buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 493.106.775 đồng. Sau đó ông Đ có đơn kháng cáo. Ngày 08/8/2016 Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm tại Bản án số 139/2016/DSPT buộc ông Đ, bà T phải trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 489.592.950 đồng (Bút lục số 12-15).

Khi án có hiệu lực pháp luật, Hộ kinh doanh T làm đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã có Quyết định thi hành án số 61/QĐ-CCTHA ngày 05/10/2016, nhưng khi chấp hành viên xác minh tài sản thì phát hiện sự việc vào ngày 10/8/2016 ông Phạm Thanh Đ đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị ruột là bà Phạm Thị H đối với phần đất ông Đ đang đứng tên có diện tích là 20.565m², thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 89, 91, Giấy chứng nhận số AK 958753 do UBND huyện H cấp ngày 29/9/2008. Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện H, K.

Trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, ông Phạm Thanh Đ có nhận và biết được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Đ không có mặt tại tòa lần nào và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Khi Cán bộ Tòa án xuống tổng đạt các văn bản tố tụng thì ông Đ, bà H mặc dù có mặt ở nhà nhưng cũng không nhận văn bản nên phải thực hiện việc niêm yết tại địa phương.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị H: Bà H có mặt một lần ngày 29/8/2017 và có lời khai cho rằng nguồn gốc đất tặng cho là của cha mẹ để lại cho ba chị em bà; ông Đ đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng nên bà phải bỏ số tiền 220.000.000 đồng để trả Ngân hàng lấy Giấy về sang tên cho bà. Tòa án có Quyết định yêu cầu bà H và ông Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất được tặng cho là di sản thừa kế; cung cấp họ tên, địa chỉ các chị em ruột của bà H, ông Đ và chứng minh việc bà H đã bỏ tiền ra trả nợ Ngân hàng cho ông Đ. Tuy nhiên đến nay ông Đ và bà H không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì và tại phiên tòa hôm nay ông Đ và bà H cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó HĐXX xác định hành vi tặng cho quyền sử dụng đất của ông Phạm Thanh Đ ngày 10/8/2016, sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực 02 ngày (bản án phúc thẩm

ngày 08/8/2016) là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Thanh Đ và bà Phạm Thị H không có giá trị pháp lý.

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự quy định, từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Như vậy, xét thấy việc khởi kiện của Hộ kinh doanh T yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Thanh Đ và bà Phạm Thị H vô hiệu là có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Quách Thị T – người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án hủy ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726539 có diện tích 5.931,1m² tại thửa số 02, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017 đứng tên ông Nguyễn Thành T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726540 có diện tích 6.216,3m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017 đứng tên bà Phạm Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 726541 có diện tích 9.717,0m² tại thửa số 03, tờ bản đồ số 03-2017 do Sở TN&MT tỉnh K cấp ngày 17/4/2017 đứng tên bà Phạm Thị H.

Xét thấy, Căn cứ vào Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tổ tụng hành chính, HĐXX nhận định: Do các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phạm Thị H và đứng tên ông Nguyễn Thành T được cấp lại trong trường hợp thực hiện hợp đồng (các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai), là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Cho nên, khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tổ tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng. Khi Tòa án tuyên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu thì Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết

điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Do đó HĐXX không tuyên hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

3. Đối với Đơn yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành T ngày 13/5/2019, ông T yêu cầu Tòa án công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là hợp pháp. Xét thấy, Tòa án đã hai lần Thông báo cho ông T về việc nộp tiền tạm ứng án phí (thông qua ủy thác tư pháp) nhưng ông T không nhận Thông báo và không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án không thụ lý Đơn yêu cầu độc lập của ông T. Nếu sau này quyền và lợi ích hợp pháp của ông T bị xâm phạm thì ông có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để được Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Thanh Đ và bà Phạm Thị H vô hiệu.

4. Về án phí:

- Ông Đ, bà H phải chịu án phí DSST không giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Hộ kinh doanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban t H vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Thanh Đ và bà Phạm Thị H lập ngày 10/8/2016 vô hiệu.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 20.565m² đất tại thửa đất số 91, 89; tờ bản đồ số 03 thuộc quyền sử dụng đất của ông Phạm Thanh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 958753 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 29/9/2008. Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh K.

Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2/ Về án phí DSST:

- Ông Phạm Thanh Đ và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Hộ kinh doanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005037 ngày 01/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phạm Thanh Đ, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc